

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Chương trình làm việc toàn khóa của Tỉnh ủy khóa XIV, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020, gồm những nội dung sau đây:

I- Tình hình thực hiện an sinh xã hội, giảm nghèo thời gian qua

1- Những kết quả đạt được

Thời gian qua, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã quan tâm và tập trung chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo được sự đồng thuận và hăng hái thực hiện của các tầng lớp nhân dân. Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XIII ban hành các quyết định (Quyết định 494-QĐ/TU và Quyết định 551-QĐ/TU) về việc phân công các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp cấp tỉnh phụ trách xã, phường, thị trấn có đông đồng bào dân tộc Khmer và các xã, phường, thị trấn có tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao đã phát huy tác dụng tích cực, làm chuyển biến rõ nét tình hình ở nhiều địa phương.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm, linh hoạt trong xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiều phong trào cụ thể được phát động và thực hiện có hiệu quả cao. Phần lớn hộ nghèo quyết tâm phấn đấu bằng hành động, việc làm cụ thể để vươn lên thoát nghèo, có một số hộ đã khá, giàu.

Tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đã đóng góp nhiều nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông đường bộ từ tỉnh đến huyện, xã và liên ấp, cầu giao thông nông thôn, lưới điện, trường học, trạm y tế, công trình cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh, hỗ trợ xóa nhà tạm cho hộ nghèo, nhà tình nghĩa, nhà đồng đội và thực hiện nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ giúp nông dân phát triển sản xuất..., nâng cao đời sống, giảm nghèo trong nhân dân.

Tỷ lệ hộ nghèo trong tỉnh giảm dần từ 19,2% năm 2005 xuống còn 6,5% năm 2010 (theo chuẩn giai đoạn 2006 - 2010); hiện nay còn 12,14% (theo chuẩn giai đoạn 2011 - 2015).

2- Hạn chế

Hệ thống chính sách an sinh xã hội tổ chức triển khai chưa toàn diện, hiệu quả chưa cao; khả năng tiếp cận của nhiều nhóm đối tượng đối với một số chính sách, chương trình chưa kịp thời; nguồn lực để thực hiện còn thiếu. Kết quả giảm nghèo tuy đạt khá, nhưng chưa bền vững, tỷ lệ tái nghèo còn cao.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất, đời sống và việc làm. Chưa khai thác có hiệu quả các nguồn lực trong nhân dân phục vụ cho công tác xóa đói, giảm nghèo. Đào tạo nghề, tạo việc làm tuy được chú trọng, nhưng tình trạng thiếu việc làm còn nhiều, nhất là ở nông thôn; việc chuyển đổi ngành nghề, tạo nghề mới, chuyển dịch lao động diễn ra chậm.

3- Nguyên nhân

3.1- Nguyên nhân đạt được

Các chủ trương, chính sách về đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo của Trung ương, của tỉnh cụ thể và thiết thực, đáp ứng yêu cầu bức thiết của thực tiễn, đã nhanh chóng đi vào cuộc sống; đại bộ phận nhân dân sau khi tiếp thu đã có sự chuyển biến tích cực bằng việc làm, hành động cụ thể, phát huy hiệu quả.

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cụ thể hóa các chủ trương, chính sách về an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững thành chương trình, kế hoạch sát hợp với điều kiện của tỉnh; các cấp ủy, chính quyền kịp thời tổ chức quán triệt cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân, đề ra kế hoạch thực hiện hợp lòng dân, được nhân dân đồng thuận cao và tích cực tham gia thực hiện.

3.2- Nguyên nhân hạn chế

Sản xuất ngư - nông - lâm nghiệp phụ thuộc vào thiên nhiên nên tiềm ẩn nhiều rủi ro, dịch bệnh. Năng suất cây trồng, vật nuôi đạt thấp so với bình quân của vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đầu ra cho các loại hàng nông sản không ổn định. Một số hộ dân còn có tình trạng thiếu vốn sản xuất, thiếu tư liệu lao động, tham gia tệ nạn xã hội (cờ bạc, số đề, ma túy...). Chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình thực hiện chưa tốt, còn một bộ phận hộ gia đình nghèo sinh nhiều con. Biến động bất lợi của nền kinh tế cùng với thiên tai, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo đã ảnh hưởng đến công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

Kết cấu hạ tầng nông thôn đầu tư chưa đồng bộ, nguồn lực còn hạn chế và phân tán. Dự án các khu đô thị, khu dân cư, khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ

công nghiệp, dịch vụ đầu tư chậm, còn nhiều khó khăn, nên chưa tạo ra được nhiều việc làm mới cho người lao động.

Công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về an sinh xã hội, giảm nghèo chưa đi vào chiều sâu. Tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp so với bình quân chung cả nước và khu vực. Một số hộ nghèo thiếu nỗ lực vươn lên, tự tìm việc làm tạo thêm thu nhập; nhiều hộ nghèo còn trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng; chưa khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất đai hiện có; ý thức học tập nâng cao trình độ nghề nghiệp chưa cao; việc thực hành tiết kiệm, tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương chưa tốt, nhất là an ninh trật tự.

II- Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp

1- Quan điểm

Quán triệt, thực hiện tốt quan điểm, định hướng Nghị quyết Đại hội XI của Đảng: Thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội; đảm bảo an sinh xã hội trong từng chính sách phát triển, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của mọi tầng lớp trong xã hội, nhất là nhóm đối tượng chính sách, đối tượng nghèo. Đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững vừa là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt, vừa là nhiệm vụ cơ bản lâu dài của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội.

Giảm nghèo bền vững phải được triển khai và tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp, nhằm hạn chế phân hóa giàu nghèo, giảm chênh lệch mức sống giữa khu vực nông thôn và thành thị, nhóm dân cư. Đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức giảm nghèo phải gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn mới.

Chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững phải được xã hội hoá một cách mạnh mẽ. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo chỉ đạo thực thi các chính sách, cộng đồng xã hội có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện. Tuyên truyền, vận động, kêu gọi phát huy truyền thống tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, giúp đỡ, hỗ trợ người nghèo, các đối tượng gặp khó khăn nỗ lực vươn lên, đảm bảo thực hiện có hiệu quả dân chủ và công bằng xã hội.

2- Mục tiêu

2.1- Mục tiêu chung:

Đạo tạo nghề, giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh xã hội gắn chặt với chỉ tiêu phát triển thị trường lao động, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ, kỹ năng tay nghề; cơ bản đảm bảo cho mọi người dân, trong đó quan tâm nhiều hơn đối tượng dễ tổn thương được tiếp cận và thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội.

Tổ chức thực hiện hệ thống các chính sách an sinh xã hội phù hợp với từng thời điểm cụ thể nhằm bảo vệ nhân dân trước những rủi ro trong cuộc sống đều được hỗ trợ, giúp nhân dân gắn bó, đoàn kết, liên kết, tương trợ nhau cùng phát triển.

2.2- Mục tiêu cụ thể:

Giai đoạn 2011 - 2015:

- 100% hộ nghèo và cận nghèo có bảo hiểm y tế.
- Giải quyết việc làm từ 32 - 35 nghìn lao động/năm.
- Đào tạo, dạy nghề từ 25 - 30 nghìn lao động/năm. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề 60% (trong đó, qua đào tạo nghề 45%).
- Nâng mức chuẩn hộ nghèo, cận nghèo cao hơn mức chuẩn hộ nghèo, cận nghèo của cả nước giai đoạn 2011 - 2015.
- Các hộ nghèo không còn nhà ở tạm bợ.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2%/năm.
- Có trên 95% đối tượng bảo trợ xã hội được quản lý, trợ giúp tập trung và tại cộng đồng.

Định hướng 2020:

- 100% hộ nghèo và cận nghèo có bảo hiểm y tế.
- Giải quyết việc làm 30 nghìn lao động/năm.
- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề 75% (trong đó, qua đào tạo nghề 60%).
- Nâng mức chuẩn hộ nghèo, cận nghèo cao hơn mức chuẩn hộ nghèo, cận nghèo của cả nước theo từng giai đoạn.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (thu nhập dưới 2 USD/người/ngày) còn dưới 10%.
- Có 100% đối tượng bảo trợ xã hội được quản lý, trợ giúp tập trung và tại cộng đồng.

3- Nhiệm vụ và giải pháp

3.1- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động:

Các cấp uỷ đảng, chính quyền xác định công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên trước mắt và lâu dài ở địa phương, đơn vị mình; từ đó chủ động xây dựng kế hoạch, biện pháp, bước đi cụ thể để tăng cường hơn nữa công tác quán triệt, tuyên truyền, giáo dục, nhằm làm cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững để tổ chức thực hiện có hiệu quả cao nhất đối với từng chủ trương, chính sách được triển khai. Tích cực tuyên truyền làm chuyển biến nhận thức và hành động của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp để có trách nhiệm tự nguyện đóng góp cho công tác an sinh xã hội, giảm nghèo của tỉnh.

3.2- Thực hiện tốt chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm:

Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện Quyết định 1956/QĐ/-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020; Chỉ thị số 24-CT/TU, ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường lãnh đạo công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2015 và những năm tiếp theo; Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng các trường dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm và trung tâm dạy nghề các huyện, thành phố. Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở trường, lớp, trang thiết bị đào tạo nghề cho người dân các xã nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn; gắn dạy nghề với giải quyết việc làm, tạo cơ hội cho người nghèo, hộ nghèo có điều kiện phát triển. Có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề thích hợp cho từng đối tượng trong từng thời điểm cụ thể. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực đầu tư thành lập cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp, hợp tác xã... đầu tư cơ sở sản xuất, kinh doanh vào khu vực nông thôn để giải quyết việc làm tại chỗ.

Tổ chức điều tra, rà soát nắm chặt nhu cầu của từng hộ, từng đối tượng lao động và nhu cầu sử dụng lao động để xây dựng kế hoạch đào tạo nghề và tạo điều kiện hỗ trợ phù hợp cho từng lao động. Lựa chọn nghề đào tạo có trọng tâm, trọng điểm, theo địa chỉ; mở rộng thông tin thị trường lao động; kết hợp giữa giải quyết việc làm tại chỗ với cung ứng lao động cho các khu công nghiệp trong, ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động.

3.3- Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững:

Chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 80/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững từ năm 2011 đến năm 2020. Tập trung huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân vào chương trình giảm nghèo của tỉnh đến năm 2015, Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đến năm 2020.

Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ; chú trọng phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị để thu hút các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư các nhà máy, xí nghiệp, dịch vụ trên địa bàn để giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần giảm nghèo bền vững.

Chỉ đạo tổ chức cho người dân ở từng khu vực dân cư công khai bình xét, phân loại hộ nghèo để có kế hoạch giúp đỡ thiết thực, hiệu quả nhất. Trước hết, ưu tiên giúp đỡ đối với những hộ thật sự nỗ lực phấn đấu vươn lên, tạo điều kiện và khuyến khích người đã thoát nghèo vươn lên khá, giàu và giúp đỡ người khác thoát nghèo.

Từng hộ nghèo, người nghèo phải quyết tâm thoát nghèo bằng hành động, việc làm cụ thể. Tập trung khai thác, sử dụng có hiệu quả từng diện tích đất hiện có. Tích cực học tập nhằm nâng cao kiến thức, tay nghề, tìm việc làm phù hợp, tăng thu nhập; thực hành tiết kiệm triệt để; tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, nhất là đảm bảo an ninh trật tự, xây dựng nông thôn mới.

3.4- Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội:

Tăng cường công tác triển khai, phổ biến và tổ chức thực hiện tốt các chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn; tiếp tục mở rộng đối tượng và điều kiện hưởng thụ đến toàn bộ các nhóm dân cư với mức trợ giúp phù hợp. Phấn đấu bảo đảm cho mọi người dân có hoàn cảnh khó khăn thu nhập dưới mức sống tối thiểu đều được nhận trợ giúp xã hội.

Khuyến khích phát triển các mô hình an sinh xã hội tự nguyện ở cộng đồng, đẩy mạnh xã hội hoá, đa dạng các hình thức trợ giúp xã hội và cứu trợ xã hội tự nguyện, nhân đạo dựa vào cộng đồng với sự tham gia rộng lớn của các doanh nghiệp, của xã hội và kiều bào ta ở nước ngoài. Tăng cường hoạt động và phát triển quỹ vì người nghèo các cấp.

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá, thông tin, thể thao, dân số, gia đình và trẻ em. Phát triển hệ thống phúc lợi và hệ thống dịch vụ xã hội rộng khắp, giúp người dân nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội, trước nhất là các dịch vụ cơ bản, thiết yếu như: Giáo dục, y tế, nhà ở, văn hóa, thông tin...

Tăng cường đầu tư và mở rộng xã hội hoá để hoàn thiện mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm cho toàn dân được hưởng các dịch vụ y tế cơ bản, tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế chất lượng cao. Tiếp tục thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng hoạt động đội ngũ y tế ấp, khóm, cộng tác viên dân số kế hoạch hóa gia đình đủ sức hoạt động ở cơ sở. Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các loại hình bảo hiểm, nhất là bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới thực hiện mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2014.

Thực hiện tốt các chính sách ưu tiên đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, miễn giảm học phí, tín dụng ưu đãi cho người học, chính sách khám, chữa bệnh, trợ giúp pháp lý... cho người nghèo, đối tượng khó khăn.

Tập trung thực hiện tốt chính sách về nhà ở cho hộ nghèo. Đẩy nhanh tiến độ các dự án nhà ở xã hội, nhà cho người có thu nhập thấp, nhà cho người nghèo theo Quyết định 167 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng, hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà tình nghĩa, nhà đồng đội... Bố trí tái định cư, phòng tránh thiên tai cho cư dân sống ven sông, biển gắn với giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề phù hợp để tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

3.5- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân:

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động; chú trọng công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Tăng cường vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện công tác an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững; từng đoàn thể có chương trình, kế hoạch phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho thành viên cấp mình xây dựng mô hình sản xuất phù hợp, hiệu quả để nhân rộng.

Phát động và tổ chức nhiều hơn nữa các cuộc vận động xã hội như: ngày vì người nghèo, phong trào tương thân tương ái, xây dựng nhà đồng đội, nhà đại đoàn kết...; huy động cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội tham gia trợ giúp cả vật chất lẫn tinh thần để công tác an sinh xã hội, giảm nghèo đạt hiệu quả cao nhất.

Phát động toàn dân thi đua thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và tham gia thực hiện tích cực các chương trình xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội.

3.6- Nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền:

Chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước các cấp kịp thời cụ thể hóa chủ trương của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước có liên quan đến công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững thành những chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, loại bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà cho nhân dân; sửa đổi phong cách, lề lối làm việc khoa học, đảm bảo gần dân, sát dân, đối thoại với dân và tôn trọng dân. Giải quyết đúng đắn, kịp thời các vụ việc có quan hệ trực tiếp đến nhân dân, nhất là người nghèo.

3.7- Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng:

Các cấp ủy đảng cần tăng cường lãnh đạo thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững ở từng địa phương. Thường xuyên nắm bắt tình hình đời sống, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; có chủ trương, biện pháp giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc về sản xuất, đời sống của nhân dân. Tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng xã, phường, thị trấn; đặc biệt chú trọng tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có tỷ lệ hộ nghèo, vùng khó khăn, vùng đông đồng bào dân tộc để đủ sức lãnh đạo tổ chức thực hiện.

Phải xây dựng quy chế làm việc, định kỳ gặp gỡ, làm việc với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể để nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo các mặt công tác trọng tâm, trong đó có công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện, phát huy những mặt tích cực, khắc phục những mặt yếu kém, kịp thời đề ra chủ trương, giải pháp phù hợp để vận động nhân dân tích cực vươn lên trong cuộc sống.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XIII (Quyết định 494-QĐ/TU và Quyết định 551-QĐ/TU) về việc phân công các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp cấp tỉnh phụ trách xã, phường, thị trấn có đông đồng bào dân tộc Khmer và các xã, phường, thị trấn có tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao. Thực hiện việc phân công cấp uỷ, chi bộ, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên các đoàn thể phụ trách, giúp đỡ từng hộ nghèo. Kịp thời tổng kết, nhân rộng những mô hình, điển hình thực hiện tốt công tác xóa đói, giảm nghèo ở các địa phương.

III- Tổ chức thực hiện

1- Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo hằng năm và định kỳ báo cáo Tỉnh ủy kết quả thực hiện.

2- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết ở cấp mình phù hợp với tình hình thực tế.

3- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa Nghị quyết thành chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện; chỉ đạo các ngành chức năng điều chỉnh, bổ sung các chương trình, đề án có liên quan và chỉ đạo tiếp tục thực hiện; tham mưu giúp Tỉnh ủy việc sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

4- Các ban đảng của Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền phổ biến Nghị quyết; hướng dẫn cụ thể việc nghiên cứu quán triệt, đồng thời theo dõi, kiểm tra việc triển khai và tổ chức thực hiện ở các cấp, các ngành trong Đảng bộ tỉnh.

5- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể nhân dân cấp tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện; tổ chức phổ biến Nghị quyết đến đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ đảng và tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân.

Nơi nhận:

- Các huyện ủy, thành ủy,
đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các đồng chí Ủy viên
Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**

(đã ký)

Bùi Công Bửu